



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 84 + 85

Ngày 15 tháng 5 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 28-4-2023- Quyết định số 1649/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. 2
- 28-4-2023- Quyết định số 1698/QĐ-UBND việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế, Công Thương thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý An toàn thực phẩm. 20

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1649/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh
trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế quận, huyện và thành phố Thủ Đức trực thuộc Sở Y tế thành Trung tâm Y tế quận, huyện, thành phố Thủ Đức trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tại Tờ trình số 480/TTr-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023, ý kiến thẩm định của Sở Y tế tại Công văn số 549/SYT-TCCB ngày 31 tháng 01 năm 2023 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1855/TTr-SNV ngày 20 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Danh sách các đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh

*(Kèm theo Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với viên chức, người lao động đang công tác tại Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của Sở Y tế, Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố và các đơn vị y tế, dân số

tuyên thành phố, Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thông tin liên hệ

Trụ sở làm việc của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh được đặt tại: số 100 đường Tân Túc, Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên lạc: 028.3760.5798

Email: ttytdp.binhchanh@tphcm.gov.vn

Điều 4. Hạng của Trung tâm Y tế

Hạng của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 5. Chức năng

Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS: giám sát, sàng lọc phát hiện sớm, tiêm chủng phòng bệnh, điều trị dự phòng, triển khai các biện pháp chống dịch và khắc phục hậu quả của dịch bệnh; phòng, chống yếu tố nguy cơ phát sinh, lây lan dịch, bệnh;

b) Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm; kiểm soát và phòng, chống các yếu tố nguy cơ, giám sát, sàng lọc phát hiện, quản lý và triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh không lây nhiễm;

c) Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, vệ sinh môi trường, y tế trường học, sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế và phòng, chống các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe theo quy định

của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện khám, phân loại sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng:

a) Thực hiện sơ cứu, cấp cứu;

b) Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hoạt động chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi, điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng;

c) Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật, chuyên tuyến theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức, quản lý điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, điều trị nghiện chất khác và điều trị HIV/AIDS theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện khám giám định y khoa theo quy định của pháp luật; tham gia khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

3. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên; sức khỏe sinh sản nam giới và người cao tuổi;

b) Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật chuyên ngành phụ sản và biện pháp tránh thai theo quy định;

c) Phòng, chống nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản và các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con.

4. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; điều tra, giám sát, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực

phẩm;

b) Hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia thẩm định điều kiện của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

5. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

b) Tổ chức thực hiện và phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các hoạt động về công tác dân số nhằm điều chỉnh mức sinh, kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

8. Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động Nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

9. Quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Thực hiện lập hồ sơ quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn;

b) Trực tiếp quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, phường, thị trấn và các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh (nếu có);

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn và đội

ngũ nhân viên y tế khu phố, ấp, tổ dân phố, cộng tác viên dân số.

10. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên, cộng tác viên dân số và các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương.

11. Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

12. Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

14. Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

15. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; xây dựng, tổng hợp, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về y tế, dân số theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 7. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh:

a) Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc;

b) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh;

c) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh chỉ đạo một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh;

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh theo phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và theo quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi chức vụ, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các Phòng chức năng:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong thực hiện các hoạt động quản lý về công tác tổ chức bộ máy, nhân lực, tài sản, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, văn thư, lưu trữ; công tác đào tạo, đào tạo bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý; bảo vệ chính trị nội bộ; hành chính, quản trị.

Phối hợp thực hiện các hoạt động về đào tạo, đào tạo liên tục, hội thảo, hội nghị, tập huấn, nghiên cứu khoa học, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

b) Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong thực hiện các hoạt động quản lý về công tác xây dựng kế hoạch (tháng, quý, năm); công tác chuyên môn, chỉ đạo tuyến, công nghệ thông tin, quản lý chất lượng; công tác xã hội; công tác đào tạo liên tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý; công tác nghiên cứu khoa học, hội nghị, hội thảo,

sinh hoạt khoa học kỹ thuật và các chương trình, dự án; công tác chăm sóc, theo dõi điều trị ngoại trú, nội trú và công tác chăm sóc người bệnh tại cộng đồng.

Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh; thu thập thông tin, phân tích các số liệu liên quan và tổng hợp báo cáo hoạt động của trung tâm. Phối hợp quản lý thuốc, hóa chất, vật tư, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân lực, tài chính, tài sản và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

c) Phòng Tài chính - Kế toán

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong thực hiện các hoạt động quản lý về công tác xây dựng dự toán, sử dụng ngân sách; công tác quản lý tài chính. Thực hiện cấp phát kinh phí theo kế hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thu các loại phí, lệ phí và các dịch vụ y tế theo quy định của pháp luật; tổng hợp, báo cáo, quyết toán tài chính, lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán theo quy định pháp luật. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thu thập thông tin, hệ thống báo cáo nhằm đánh giá tình hình hoạt động tài chính, đánh giá hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn kinh phí, nguồn vốn. Tổ chức hệ thống kế toán tại đơn vị phù hợp với quy mô và hoạt động tài chính của đơn vị: tổ chức nhân sự, phân công công việc, hệ thống chứng từ, biểu mẫu, quy trình kế toán,...; tổ chức kiểm tra, kiểm soát các hợp đồng kinh tế tại đơn vị. Phối hợp các khoa, phòng xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, kế hoạch thu chi tài chính và một số kế hoạch khác.

Phối hợp xây dựng kế hoạch và triển khai, giám sát thực hiện các chương trình, dự án trong và ngoài nước; quản lý nhân lực, tài sản, thuốc, vật tư, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị; đào tạo, đào tạo liên tục, hội thảo, hội nghị, tập huấn, nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

d) Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong phối hợp thực hiện các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tổ chức thực hiện và phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các hoạt động về công tác dân số nhằm điều chỉnh mức sinh, kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với

già hóa dân số trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Quản lý công tác truyền thông giáo dục khỏe. Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế và kết quả hoạt động công tác y tế trên địa bàn. Phối hợp xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng; dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; chăm sóc sức khỏe sinh sản; vệ sinh môi trường và phòng bệnh; bảo hiểm y tế và các dịch vụ y tế cung cấp trên địa bàn. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, điều kiện, nhu cầu thực tế của quận, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại các phòng chức năng thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh bảo đảm phù hợp với tính chất công việc; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh quy định nhiệm vụ cụ thể của các phòng chức năng để bảo đảm thực hiện đầy đủ các hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Các Khoa chuyên môn:

a) Khoa Kiểm soát bệnh tật

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng, xử lý và giám sát phản ứng sau tiêm chủng; các hoạt động truyền thông, nguy cơ. Quản lý, giám sát và hướng dẫn thu thập thông tin diễn biến sức khỏe cộng đồng dân cư, tình hình dịch, bệnh; tác nhân gây bệnh, véc tơ truyền bệnh và các yếu tố nguy cơ dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh mới phát sinh. Phối hợp thực hiện công tác thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng, chống bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và tiêm chủng phòng bệnh. Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

b) Khoa Y tế công cộng

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế, môi trường lao động, học tập; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn. Giám sát và hướng dẫn

công tác y tế học đường; quản lý chất thải y tế; công trình vệ sinh hộ gia đình và nơi công cộng, vệ sinh chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng và các yếu tố phát sinh dịch, bệnh lây lan, phát triển trong cộng đồng. Phối hợp thực hiện công tác thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng, chống bệnh nghề nghiệp, bệnh tật học đường, phòng chống tác hại thuốc lá, lạm dụng rượu, bia, xây dựng cộng đồng an toàn, tăng cường hoạt động thể lực và nâng cao sức khỏe. Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

c) Khoa An toàn thực phẩm

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động về an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm; thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn khi được cơ quan có thẩm quyền phân cấp. Giám sát và hướng dẫn an toàn thực phẩm, công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp.

Phối hợp thực hiện công tác thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe về an toàn thực phẩm. Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

d) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản bao gồm cả khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình, cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giám sát và hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, thị trấn và tương đương về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe và cải thiện tình trạng dinh dưỡng, bà mẹ, trẻ em. Phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên

cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

đ) Khoa Tư vấn, điều trị nghiện chất và HIV/AIDS

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động về phòng, chống HIV/AIDS trên cơ sở định hướng, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Bộ Y tế và tình hình thực tế của Thành phố bao gồm tư vấn, xét nghiệm HIV; tổ chức, quản lý điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, điều trị nghiện chất khác và điều trị HIV/AIDS theo quy định của pháp luật. Giám sát và hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, thị trấn và tương đương về công tác khám, điều trị và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, dự phòng phơi nhiễm HIV. Phối hợp thực hiện các hoạt động dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; dự phòng lây nhiễm HIV trong các dịch vụ y tế; phòng, chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục; phòng, chống cộng đồng lây nhiễm lao và HIV; an toàn truyền máu liên quan đến HIV/AIDS. Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

e) Khoa Khám bệnh

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tiếp nhận tất cả các trường hợp đến khám bệnh, chữa bệnh tại trung tâm. Phối hợp tổ chức đón tiếp, hỗ trợ, tư vấn giải quyết các vấn đề về công tác xã hội cho người bệnh và người nhà người bệnh trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện khám sàng lọc và tư vấn điều trị; tổ chức khám, điều trị ngoại trú; khám sức khỏe, chứng nhận sức khỏe theo quy định. Phối hợp với các khoa, phòng, đơn vị trong việc quản lý, giám sát hỗ trợ cho các trường hợp cần theo dõi điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng tại cộng đồng.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống bệnh lao, tâm thần bao gồm khám, điều trị và quản lý bệnh nhân lao, tâm thần trên địa bàn; tổ chức khu vực chăm sóc và điều trị bệnh nhân tâm thần trong ngày; thực hiện chương trình phòng, chống bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Giám sát và hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, thị trấn và tương đương về công tác phòng, chống lao, tâm thần. Phối hợp thực

hiện công tác thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng, chống lao, tâm thần. Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

Khoa khám bệnh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật khác có liên quan, trong đó tối thiểu phải có các phòng chức năng sau: Phòng Hồi sức cấp cứu, Phòng Tiểu phẫu, Phòng Lưu bệnh, Phòng Thanh trùng và các Phòng chuyên môn: Nội, Ngoại, Nhi, Mắt, Sản, Lao, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt,...

Trên cơ sở nhu cầu, điều kiện thực tế của đơn vị, có thể thành lập thêm Phòng khám Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng thuộc Khoa khám bệnh để bảo đảm triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật.

g) Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các dịch vụ kỹ thuật về xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của trung tâm và các trạm y tế xã, thị trấn thuộc địa bàn quản lý; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định pháp luật. Phối hợp các khoa, phòng, đơn vị của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố và các quận, huyện, thành phố Thủ Đức để triển khai các xét nghiệm phục vụ kịp thời cho công tác chuyên môn. Tham gia tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

h) Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế

Tham mưu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cung ứng thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị bảo đảm đủ số lượng, chất lượng phục vụ cho hoạt động chuyên môn tại trung tâm và các trạm y tế xã, thị trấn. Phối hợp với các khoa, phòng, đơn vị trong việc quản lý, giám sát hỗ trợ việc thực hiện bảo quản, thông tin, hướng dẫn sử dụng thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị theo quy định.

Tham gia theo dõi, quản lý kinh phí sử dụng thuốc, tập huấn nâng cao năng lực

chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự án, đề án, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh giao.

Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, nhu cầu thực tế của huyện, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại các khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh bảo đảm phù hợp với tính chất công việc; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh quy định nhiệm vụ cụ thể của các khoa chuyên môn để triển khai thực hiện cung cấp đầy đủ các dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật theo quy định pháp luật.

4. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

a) Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh có các Trạm Y tế trực thuộc. Số lượng, tên các Trạm Y tế xã, thị trấn trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh được quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm.

b) Chức năng, nhiệm vụ của các Trạm Y tế xã, thị trấn trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế xã, phường, thị trấn và các văn bản pháp luật khác.

5. Việc bổ nhiệm Trưởng khoa, Trưởng phòng; Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng phòng; Điều dưỡng trưởng khoa; Kỹ thuật viên trưởng khoa; Trưởng Trạm Y tế; Phó Trưởng Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

6. Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh phải được Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh phân công bằng văn bản, trừ trường hợp Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh là người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Trung tâm.

Điều 8. Số lượng người làm việc

1. Số lượng người làm việc của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh quyết định theo số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao hàng năm.

2. Trên cơ sở số lượng người làm việc được giao, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh có trách nhiệm sắp xếp, phân bổ, sử dụng số lượng người làm việc tại trung tâm cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của đơn vị theo quy định,

đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

3. Việc bố trí công tác đối với người làm việc tại Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và phẩm chất, trình độ, năng lực của từng người.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Y tế và các sở, ngành liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh hướng dẫn Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh:

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh phối hợp Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh triển khai thực hiện Quy định này;

b) Phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này.

3. Giao Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh:

a) Triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trong toàn Trung tâm; cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Trung tâm, phù hợp với các quy định của pháp luật; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các phòng chức năng, các khoa chuyên môn và các trạm y tế xã, thị trấn thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh.

b) Thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các khoa, phòng thuộc cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh không đáp ứng điều kiện về số lượng người làm việc tối thiểu từ 07 người làm việc là viên chức trở lên quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; bố trí viên chức, người lao động phù hợp với yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị đảm bảo phát huy hiệu lực và hiệu quả, tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn huyện

Bình Chánh.

c) Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh theo đúng quy định.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Giữ nguyên hạng đơn vị sự nghiệp y tế theo Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về xếp hạng Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh trực thuộc Sở Y tế cho đến khi thực hiện việc xếp hạng lại đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương và quy định của pháp luật hiện hành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

Danh sách các đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh
(Kèm theo Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Cơ sở y tế	Trụ sở làm việc
1	Trạm Y tế Thị trấn Tân Túc	C3/6E Khu phố 3, Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh
2	Trạm Y tế xã An Phú Tây	Số 1 đường 4D KDC An Phú Tây, ấp 2, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh
3	Trạm Y tế xã Bình Chánh	C17/5A đường Đinh Đức Thiện, ấp 3, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh
4	Trạm Y tế xã Bình Hưng	Số 71A đường số 1, Khu dân cư Bình Hưng, ấp 2, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh
5	Trạm Y tế xã Bình Lợi	Số 1030 đường Vườn Thơm, ấp 3, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh
6	Trạm Y tế xã Đa Phước	Số 2620 Quốc Lộ 50, ấp 4, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh
7	Trạm Y tế xã Hưng Long	Số 758 đường Đoàn Nguyễn Tuấn, ấp 4, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh
8	Trạm Y tế xã Lê Minh Xuân	Số F2/33A đường Trần Văn Giàu, ấp 6, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh
9	Trạm Y tế xã Phạm Văn Hai	Số 2B/39 ấp 2, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh
10	Trạm Y tế xã Phong Phú	Số 116 Đường số 9, Khu dân cư Phong Phú 4, ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh
11	Trạm Y tế xã Qui Đức	Số B3/24/1 đường Phạm Thị Tánh, ấp 2, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh
12	Trạm Y tế xã Tân Kiên	Số 151 đường Dương Đình Cúc, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh
13	Trạm Y tế xã Tân Nhựt	Số B10/203G ấp 2, xã Tân Nhựt,

TT	Cơ sở y tế	Trụ sở làm việc
		huyện Bình Chánh
14	Trạm Y tế xã Tân Quý Tây	Số 254 đường Hương Lộ 11, ấp 2, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh
15	Trạm Y tế xã Vĩnh Lộc A	Số F1/50 đường Vĩnh Lộc, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh
16	Trạm Y tế xã Vĩnh Lộc B	Số C9/13A đường Lại Hùng Cường, ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1698/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế,
Công Thương thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý An toàn thực phẩm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm tại Tờ trình số

638/TTr-BQLATTP ngày 10 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ quy trình số 03, 04, 06 ban hành kèm theo Quyết định số 4756/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2019; bãi bỏ quy trình số 01, 02 ban hành kèm theo Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 04 tháng 03 năm 2021; bãi bỏ quy trình số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /.

CHỦ TỊCH**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên quy trình nội bộ
Lĩnh vực Y tế	
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống
2	Đăng ký bản công bố sản phẩm
3	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm
Lĩnh vực Công Thương	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trường hợp cấp lần đầu; trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh).
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực).

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 01

**Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở
sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống**

*(Ban hành kèm Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu (BM 04)	01	Bản chính
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở
3.	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	01	Bản chính
4.	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp	01	01 bản/01 nhân viên
5.	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ban Quản lý An	Hai mươi (20) ngày làm việc kể	- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: + Phục vụ dưới 20 suất ăn: 700.000

toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. - Công Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	đồng/lần/cơ sở. + Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/ lần/cơ sở. - Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm: + Cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở. + Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/ cơ sở. + Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.
---	-------------------------------	---

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC¹

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.

¹ Thực hiện cắt giảm bước xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở đóng phí, sau khi cơ sở đóng phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	01 ngày làm việc	Theo mục IBM 01	- Đối với hồ sơ mới: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		quá			phòng Cấp phép chuyên B3. - Đối với hồ sơ chờ hoàn thiện, bổ sung: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức phòng Cấp phép chuyên B8.
B3	Xếp lịch thăm định,	Công chức phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục IBM 01 Lịch thăm định	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thăm định.
B4	Xem xét ký nháy lịch thăm định	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục IBM 01 Lịch thăm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thăm định.
B5	Duyệt lịch thăm định	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	Theo mục IBM 01 Lịch thăm định	- Ký duyệt lịch thăm định và chuyển Đoàn thăm định thực hiện thăm định thực tế cơ sở.
B6	Thăm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thăm định phòng Cấp phép	11 ngày làm việc	Theo mục IBM 01 BM 04	- Thăm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thăm định vào Biên bản: - Đối với kết quả thăm định đạt hoặc không đạt chuyên B7. - Đối với kết quả thăm định chờ hoàn thiện bổ sung tạm dừng hồ sơ 30 ngày chuyển B8. Trường hợp quá thời hạn 30 ngày mà cơ sở không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ Đoàn thăm định đánh giá kết quả

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					không đạt chuyên B7.
B7	Trường hợp: Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả đạt hoặc không đạt				
B7.1	Xử lý hồ sơ sau thẩm định	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I Phiếu trình BM 01 BM 04 BM 05 BM 06 Công văn giám sát cơ sở	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng. + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B7.2	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Tờ trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Ban.
B7.3	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC chuyên B9.
B8	Trường hợp: Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả chờ hoàn thiện bổ sung 30 ngày				
B8.1	Đánh giá hồ sơ bổ sung	Đoàn thẩm định	04 ngày làm việc	BM 01 BM 05	Đánh giá hồ sơ bổ sung vào biên bản thẩm định

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B8.2	Xử lý hồ sơ sau thẩm định	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Phiếu trình BM 01 BM 05 BM 06 Công văn giám sát cơ sở	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng + Đối với hồ sơ đánh giá hồ sơ bổ sung đạt: in Giấy chứng nhận + Đối với hồ sơ đánh giá hồ sơ bổ sung không đạt: tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B8.3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Tờ trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Ban.
B8.4	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC chuyển B9.
B9	Ban hành văn bản	Văn thư - Văn phòng	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B10	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ.
4.	BM 04	Đơn đề nghị theo mẫu số 01 Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP.
5.	BM 05	Biên bản thẩm định theo Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ
6.	BM 06	Giấy chứng nhận theo Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa)
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
3.	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
4.	BM 04	Đơn đề nghị theo mẫu số 01 Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP.
5.	BM 05	Biên bản thẩm định theo Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ
6.	BM 06	Giấy chứng nhận theo Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP
7.		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh

thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực ATTP và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi:

Họ và tên chủ cơ sở:

Tên cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận:

Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sản xuất (loại thực phẩm và dạng sản phẩm...):

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở

Thực hiện Quyết định số, ngàythángnăm..... của

Hôm nay, ngàytháng..... năm, Đoàn thẩm định gồm có:

- 1Trưởng đoàn
- 2 Thư ký
- 3 Thành viên
- 4 Thành viên
- 5 Thành viên

tiến hành thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoạiFax

Đại diện cơ sở: 1.....

2.....

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. KIỂM TRA HỒ SƠ GỐC:

1. Thông tin về Giấy chứng nhận kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp.
2. Hồ sơ nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, nguồn nước sản xuất.
3. Hồ sơ xác nhận sức khỏe, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ VỀ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM:

1. Địa điểm, diện tích cơ sở, khu vực sản xuất/chế biến.
2. Thiết kế, kết cấu nhà xưởng sản xuất/chế biến, kho, nhà vệ sinh, nơi thay đồ bảo hộ lao động, cống rãnh thoát nước, nơi thu gom, xử lý chất thải.
3. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển, phòng chống côn trùng và động vật gây hại...
4. Nguồn nước sản xuất, chế biến thực phẩm/thức ăn.

5. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và bao bì/dụng cụ chứa đựng thực phẩm/thức ăn.

6. Sức khoẻ/bệnh truyền nhiễm cấp tính của người sản xuất/chế biến

7. Các nội dung khác có liên quan.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN:

1. Đánh giá việc đáp ứng của cơ sở đối với các yêu cầu điều kiện an toàn thực phẩm (Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, nguyên liệu, nguồn nước, thực hành vệ sinh...):

2. Tồn tại và biện pháp giải quyết:

3. Kết luận⁽¹⁾:

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Thời hạn hoàn thiện: ngày kể từ ngày thẩm định.

4. Ý kiến của cơ sở được thẩm định:

Biên bản kết thúc hội:giờ ngày tháng năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Một bản do cơ quan thẩm định giữ và một bản do chủ cơ sở giữ.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẮC PHỤC (ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỜ HOÀN THIỆN)

Đạt

Không đạt

Lý do không đạt:

.....

....., ngày...tháng...năm 20...

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống

BM 06

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../20...../ATTP-CNĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

CHỦ CƠ SỞ:

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngàytháng.....năm.....

TRƯỞNG BAN

(Ký tên, đóng dấu)

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 02**

Đăng ký bản công bố sản phẩm

*(Ban hành kèm Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
Đối với hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm nhập khẩu:			
1	Bản công bố sản phẩm được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự).	01	Bản chính/bản sao chứng thực
3	Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).	01	Bản chính/ bản sao chứng thực
4	Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng	01	Bản chính/ bản sao có

	đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu.		xác nhận của tổ chức, cá nhân
Đối với hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm sản xuất trong nước:			
1	Bản công bố sản phẩm được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	01	Bản chính
2	Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).	01	Bản chính/ bản sao chứng thực
3	Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu.	01	Bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân
4	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).	01	Bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí
<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Cổng Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn.</p>	<p>Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Mức thu phí công bố: 1.500.000 đồng/lần/sản phẩm.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I hoặc theo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung.
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở đóng phí, sau khi cơ sở đóng phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và	0,5 ngày làm	Mục I BM 01	- Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Cấp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		trả kết quả	việc		phép
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	3.5 ngày làm việc	Mục I Phiếu trình BM 01 BM 04 Văn bản trả lời cơ sở	- Chuyên viên phòng Cấp phép thẩm định hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đạt: In Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố thực phẩm BM 04. + Trường hợp không đồng ý với hồ sơ công bố sản phẩm của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi bổ sung, chuyên viên thụ lý hồ sơ dự thảo văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý.
B4	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình. - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Lãnh đạo Phòng Cấp phép thẩm định hồ sơ. + Trường hợp đạt: xem xét ký nháy vào Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm. + Trường hợp không đồng ý với hồ sơ công bố sản phẩm hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung: ký nháy văn bản trả lời cơ sở.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình. - Kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét ký duyệt Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc văn bản trả lời cơ sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Ban Quản lý	1 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. - Trường hợp không đạt: Khi cơ sở sửa đổi, bổ sung đầy đủ và hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện quy trình từ B1 nhưng không thực hiện đóng phí thẩm định hồ sơ. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung lần đầu nếu tổ chức các nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa)

2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
4	BM 04	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.
5		Thành phần hồ sơ theo Mục I
6		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh./.

BM 04

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: / /ĐKSP

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

Xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của

Địa chỉ

Điện thoại:

Fax

Email

Cho sản phẩm:

Do

Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn... (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;

- Lưu trữ.

TRƯỞNG BAN

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 03

Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm

*(Ban hành kèm Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo (theo mẫu)	01	Bản chính
2.	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận	01	Bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân
3.	Mẫu nhãn sản phẩm.	01	Bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân
4.	Đối với quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có kịch bản dự kiến quảng cáo và nội dung dự kiến quảng cáo ghi trong file mềm đính kèm; đối với quảng cáo trên các phương tiện khác thì phải có ma kết (mẫu nội dung) dự kiến quảng cáo.	01	Bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân
5.	Đối với nội dung quảng cáo ngoài công dụng, tính năng của sản phẩm ghi trong bản công bố sản phẩm thì phải có tài liệu khoa học chứng minh.	01	Bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân

Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ THU PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. - Công Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn .	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ²	1.100.000 đồng/lần/sản phẩm

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực</p>

² Tổng số thời gian giải quyết theo quy định 10 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm 02 ngày làm việc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>tuyên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở đóng phí, sau khi cơ sở đóng phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận trừ thứ 7, chủ nhật.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc	Theo mục IBM 01	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Thông tin, Giáo dục, Truyền thông.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Thông tin, Giáo dục, Truyền thông	3.5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 - Phiếu thẩm xét - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	<p>- Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đạt: In Giấy xác nhận nội dung quảng cáo.</p> <p>+ Trường hợp không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung: Dự thảo văn bản trả lời cơ sở trong đó nêu rõ lý do.</p>
B4	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thông tin, Giáo dục, Truyền thông	02 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	<p>Lãnh đạo Phòng Thông tin, Giáo dục, Truyền thông xem xét hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đạt: Ký nháy Giấy xác nhận nội dung quảng cáo.</p> <p>+ Trường hợp không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung: Ký nháy dự thảo văn bản trả lời cơ sở.</p>
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ ký duyệt Giấy xác nhận nội dung quảng cáo hoặc văn bản trả lời cơ sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Ban Quản lý	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. - Khi cơ sở nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thực hiện quy trình từ B1. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có công văn yêu cầu sửa đổi bổ sung nếu tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo
5.	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo
6.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa)
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
3.	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận

		Một cửa)
4.	BM 04	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo
5.	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo
6.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Luật Quảng cáo năm 2012;
- Văn bản hợp nhất Luật Quảng cáo số 47/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;
- Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;
- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

BM 04

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /Ký hiệu tên đơn vị

.....¹....., ngày..... tháng.... năm 20....**ĐƠN ĐĂNG KÝ****Xác nhận nội dung quảng cáo**

Kính gửi: Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên đơn vị đăng ký xác nhận:

2. Địa chỉ trụ sở:²

.....

Điện thoại: Fax:

Đề nghị đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với:

STT	Tên sản phẩm	Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công sản phẩm	Ngày tiếp nhận đăng ký bản công bố

Phương tiện quảng cáo:

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ, tài liệu:

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung khi đã được xác nhận.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo./.

Giám đốc hoặc đại diện hợp pháp của đơn vị

Ký tên

(Ghi họ tên đầy đủ, chức danh)

Đóng dấu

¹ Địa danh³ Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

BM 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: -----
/XNQC-...¹...

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng.... năm 20...

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

STT	Tên sản phẩm	Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố

Phương tiện quảng cáo:

.....
.....

Có nội dung quảng cáo (đính kèm) đã được duyệt phù hợp với quy định hiện hành.

Yêu cầu tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận.

Cơ quan xác nhận
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận nội dung

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 04

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (trường hợp cấp lần đầu; trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh)

(Ban hành kèm Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (BM 04).	01	Bản chính
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.	01	Bản sao
3.	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất (BM 05), đối với cơ sở kinh doanh (BM 06) hoặc cả theo BM 05 và BM 06 với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh .	01	Bản chính
4.	Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở
5.	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở (BM 13)	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí/lệ phí
<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Cổng Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn.</p>	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/01lần/cơ sở.</p> <p>+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/01 lần/cơ sở.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC³

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03 BM 09	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận</p>

³ Thực hiện cắt giảm bước xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở đóng phí, sau khi cơ sở đóng phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09	- Đối với hồ sơ mới: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức phòng Cấp phép chuyển B3 - Đối với hồ sơ chờ hoàn thiện bổ sung: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức phòng Cấp phép chuyển B8.
B3	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.
B4	Xem xét ký nháy lịch thẩm định	Lãnh đạo phòng Cấp phép;	01 ngày làm việc	Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.
B5	Duyệt lịch thẩm định	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B6	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định phòng Cấp phép	11 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào biên bản thẩm định: + Trường hợp kết quả thẩm định đạt hoặc không đạt chuyển B7. + Trường hợp kết quả thẩm định chờ hoàn thiện bổ sung: tạm dừng 60 ngày chuyển B8. + Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị chuyển qua B7.
B7	Trường hợp: Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả đạt hoặc không đạt				
B7.1	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Phiếu trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận. + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở .
B7.2	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Ban.
B7.3	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển B9.
B8	Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả chờ hoàn thiện bổ sung 60 ngày <i>(Sau khi cơ sở nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định lại đơn vị có 15 ngày làm việc để xử lý tính từ khi cơ sở nộp báo cáo khắc phục)</i>				

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B8.1	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.
B8.2	Xem xét ký nháy lịch thẩm định	Lãnh đạo phòng Cấp phép;	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.
B8.3	Duyệt lịch thẩm định	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B8.4	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định Phòng Cấp phép	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08 BM 09	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào Biên bản thẩm định.
B8.5	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Phiếu trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng + Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận. + Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B8.6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình; - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Tờ trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					lãnh đạo Ban.
B8.7	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B9	Ban hành văn bản	Văn thư Ban Quản lý	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B10	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định

		17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa)
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
3.	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa)
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo

		Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT
14.	/	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng

Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/ 02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc-----
*Địa danh, ngày tháng năm 20..***ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):

Địa điểm tại:

Điện thoại: Fax:

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm):

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh^{1,2}
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm

(tên cơ sở)

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:-
-
-
-**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**
(Ký tên, đóng dấu)

(1) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

(2) : Danh sách nhóm sản phẩm

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

STT	Tên cơ sở thuộc chuỗi	Địa chỉ	Thời hạn GCN	Ghi chú
1				
2				
3				

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm
và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	

2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	

5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở sản xuất)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hon sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các hông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những hông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở kinh doanh)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm

Đoàn thẩm định gồm có:

1..... Trưởng đoàn

2..... Thành viên

3..... Thành viên

4..... Thành viên

5..... Thư ký

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:

- Đại diện cơ sở:

- Chủ cơ sở:

- Địa chỉ văn phòng:

- Địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):

- Điện thoại..... Fax

- Mặt hàng sản xuất:

- Công suất thiết kế:

- Hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm số:

- Diện tích mặt bằng:

- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí và kết cấu nhà xưởng				
	- Kho nguyên liệu	A			
	- Kho bao bì	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu vực sản xuất	A			
	- Khu vực đóng gói	A			
	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
4	Nguồn nước sản xuất, vệ sinh	A			
5	Hệ thống chiếu sáng	B			
6	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
7	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất	A			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm	A			
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ	B			
5	Thiết bị giám sát	B			
6	Phương tiện rửa và khử trùng tay	A			
7	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu	A			
8	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại	A			
III. Điều kiện về con người					

1	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở:

b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

3. Kết luận:

(Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Biên bản kết thúc lúc: giờ phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm ...

Đoàn thẩm định gồm có:

1. Trưởng đoàn
2. Thành viên
3. Thành viên
4. Thành viên
5. Thành viên

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Chủ cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại Fax
- Mặt hàng kinh doanh:
- Hồ sơ tự công bố chất lượng hàng hóa số (nếu có):
- Diện tích mặt bằng: Diện tích kho:
- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí, kết cấu các khu vực cơ sở	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu trưng bày sản phẩm	A			
4	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
5	Nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm kinh doanh	A			
6	Nguồn nước dùng để vệ sinh dụng cụ đối với sản phẩm bao gói đơn giản, không bao gói	A			
7	Hệ thống nước đá bảo quản (nếu sử dụng)	B			
8	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
9	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm	A			
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm	A			
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay	B			
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)	B			
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)	B			
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại	B			
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát	B			
III. Điều kiện về con người					
1	Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm	A			

2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			
---	---------------------------	---	--	--	--

II. BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO NHÓM SẢN PHẨM

TT	Tên nhóm sản phẩm	Đánh giá			Ghi chú
		Đạt	Chờ hoàn thiện	Không đạt	
I	Các nhóm sản phẩm do Bộ Y tế quản lý				
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)				
2	Thực phẩm chức năng				
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm				
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm				
5	Các sản phẩm khác không được quy định 5 tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
II	Các nhóm sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý				
1	Ngũ cốc				
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt				
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)				
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả				
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng				
6	Sữa tươi nguyên liệu				
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong				
8	Thực phẩm biến đổi gen				
9	Muối				
10	Gia vị				
11	Đường				
12	Chè				
13	Cà phê				
14	Cacao				
15	Hạt tiêu				
16	Điêu				
17	Nông sản thực phẩm khác				
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.				
III	Các nhóm sản phẩm do Bộ Công Thương quản lý				

1	Bia				
2	Rượu, cồn và đồ uống có cồn				
3	Nước giải khát				
4	Sữa chế biến				
5	Dầu thực vật				
6	Bột, tinh bột				
7	Bánh, mứt, kẹo				

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét (ghi cụ thể lý do những mục “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”)

a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất:

b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

.....

3. Kết luận: (Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Biên bản kết thúc lúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

BM 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi:

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG BAN
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BQLATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-BQLATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên loại thực phẩm sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

(Đối với các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi⁽²⁾ và nhóm sản phẩm⁽³⁾
trong danh mục kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG BAN
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BQLATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-BQLATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể danh sách các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b.

(3): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất, kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục ⁽²⁾ kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG BAN
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BQLATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngàythángnăm 20 ...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-BQLATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên thực phẩm sản xuất, nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại
Mẫu 03b

BM 13

Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm**TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT

...(tên đơn vị xác nhận).... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp
ngày..... nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an
toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

..., ngày.....tháng năm

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/ đóng dấu)

Danh sách kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

Số:...../20.../XNTHKTATTP

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH SỐ 05

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (Trường hợp Giấy chứng nhận hết hạn; thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)
(Ban hành kèm Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (BM 04).	01	Bản chính
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.	01	Bản sao
3.	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất (BM 05), đối với cơ sở kinh doanh (BM 06) hoặc cả theo BM 05 và BM 06 với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh .	01	Bản chính
4.	Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở
5.	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở (BM 13)	01	Bản sao có xác nhận của cơ sở

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí/lệ phí
<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý An toàn thực phẩm, địa chỉ: Số 18, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Công Dịch vụ công: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn.</p>	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm: + Cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/01lần/cơ sở. + Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/01 lần/cơ sở.</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC⁴

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Hướng dẫn cơ sở đóng phí, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; gửi cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03</p> <p>Tiếp nhận qua Công</p>

⁴ Thực hiện cắt giảm bước xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa thông báo cơ sở đóng phí, sau khi cơ sở đóng phí Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Ghi chú: Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	01 ngày làm việc	Theo mục IBM 01 BM 09	- Đối với hồ sơ mới: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức phòng Cấp phép

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					chuyển B3 - Đối với hồ sơ chờ hoàn thiện bổ sung: Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức phòng Cấp phép chuyển B8.
B3	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.
B4	Xem xét ký nháy lịch thẩm định	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.
B5	Duyệt lịch thẩm định	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B6	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định phòng Cấp phép	11 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào biên bản thẩm định: + Trường hợp kết quả thẩm định đạt hoặc không đạt chuyển B7. + Trường hợp kết quả thẩm định chờ hoàn thiện bổ sung: tạm dừng 60 ngày chuyển B8. + Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					hoàn thiện” không còn giá trị chuyển qua B7.
B7	Trường hợp: Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả đạt hoặc không đạt				
B7.1	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Phiếu trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng. + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B7.2	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Ban.
B7.3	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển B9.
B8	Thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả chờ hoàn thiện bổ sung 60 ngày <i>(Sau khi cơ sở nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định lại đơn vị có 15 ngày làm việc để xử lý tính từ khi cơ sở nộp báo cáo khắc phục)</i>				
B8.1	Xếp lịch thẩm định	Công chức Phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 09	- Xem xét hồ sơ, dự thảo lịch thẩm định.
B8.2	Xem xét duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng Cấp phép;	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 09 Lịch thẩm định	- Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo lịch thẩm định.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B8.3	Duyệt lịch thẩm định	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 09 Lịch thẩm định	- Ký duyệt lịch thẩm định và chuyển công chức thực hiện thẩm định thực tế hồ sơ.
B8.4	Thẩm định thực tế tại cơ sở	Đoàn thẩm định Phòng Cấp phép	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 BM 08 BM 09	- Thẩm định đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở, ghi kết quả thẩm định vào Biên bản thẩm định.
B8.5	Xử lý hồ sơ sau thẩm định, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Cấp phép	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 09 Phiếu trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng. + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: In Giấy chứng nhận + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu công văn gửi UBND cấp huyện giám sát cơ sở.
B8.6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Cấp phép	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Tờ trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Ban.
B8.7	Ký duyệt	Lãnh đạo Ban	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển B9.
B9	Ban hành văn bản	Văn thư Ban Quản lý	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B10	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I

		kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4.	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
5.	BM 05	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 02a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
6.	BM 06	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 02b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
7.	BM 07	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 03a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
8.	BM 08	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 03b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
9.	BM 09	Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
10.	BM 10	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất) theo Mẫu số 05a Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
11.	BM 11	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh) theo Mẫu số 05b Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
12.	BM 12	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) theo Mẫu số 05c Phụ lục I kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP
13.	BM 13	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT
14.		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

BM 04

Mẫu số 01b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP.HCM

Tên cơ sở đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định này):.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở sản xuất)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hon sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các hông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những hông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
(đối với cơ sở kinh doanh)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm

Đoàn thẩm định gồm có:

1..... Trưởng đoàn

2..... Thành viên

3..... Thành viên

4..... Thành viên

5..... Thư ký

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:

- Đại diện cơ sở:

- Chủ cơ sở:

- Địa chỉ văn phòng:

- Địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):

- Điện thoại..... Fax

- Mặt hàng sản xuất:

- Công suất thiết kế:

- Hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm số:

- Diện tích mặt bằng:

- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí và kết cấu nhà xưởng				
	- Kho nguyên liệu	A			
	- Kho bao bì	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu vực sản xuất	A			
	- Khu vực đóng gói	A			
	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
4	Nguồn nước sản xuất, vệ sinh	A			
5	Hệ thống chiếu sáng	B			
6	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
7	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất	A			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm	A			
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ	B			
5	Thiết bị giám sát	B			
6	Phương tiện rửa và khử trùng tay	A			
7	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu	A			
8	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại	A			
III. Điều kiện về con người					

1	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

- a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở:
- b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:
- c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

.....

3. Kết luận:

(Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Biên bản kết thúc lúc: giờ phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 15/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số... ngày ... tháng ... năm ...

Đoàn thẩm định gồm có:

1. Trưởng đoàn
2. Thành viên
3. Thành viên
4. Thành viên
5. Thành viên

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Chủ cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại Fax
- Mặt hàng kinh doanh:
- Hồ sơ tự công bố chất lượng hàng hóa số (nếu có):
- Diện tích mặt bằng: Diện tích kho:
- Tổng số công nhân viên:..... Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí, kết cấu các khu vực cơ sở	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu trưng bày sản phẩm	A			
4	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
5	Nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm kinh doanh	A			
6	Nguồn nước dùng để vệ sinh dụng cụ đối với sản phẩm bao gói đơn giản, không bao gói	A			
7	Hệ thống nước đá bảo quản (nếu sử dụng)	B			
8	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
9	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm	A			
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm	A			
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay	B			
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)	B			
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)	B			
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại	B			
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát	B			
III. Điều kiện về con người					
1	Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm	A			

2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			
---	---------------------------	---	--	--	--

II. BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO NHÓM SẢN PHẨM

TT	Tên nhóm sản phẩm	Đánh giá			Ghi chú
		Đạt	Chờ hoàn thiện	Không đạt	
I	Các nhóm sản phẩm do Bộ Y tế quản lý				
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)				
2	Thực phẩm chức năng				
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm				
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm				
5	Các sản phẩm khác không được quy định 5 tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
II	Các nhóm sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý				
1	Ngũ cốc				
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt				
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)				
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả				
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng				
6	Sữa tươi nguyên liệu				
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong				
8	Thực phẩm biến đổi gen				
9	Muối				
10	Gia vị				
11	Đường				
12	Chè				
13	Cà phê				
14	Cacao				
15	Hạt tiêu				

16	Điều				
17	Nông sản thực phẩm khác				
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.				
III	Các nhóm sản phẩm do Bộ Công Thương quản lý				
1	Bia				
2	Rượu, cồn và đồ uống có cồn				
3	Nước giải khát				
4	Sữa chế biến				
5	Dầu thực vật				
6	Bột, tinh bột				
7	Bánh, mứt, kẹo				

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét (ghi cụ thể lý do những mục “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”)

a) Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất:

b) Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

c) Điều kiện con người:

2. Kiến nghị:

.....

3. Kết luận: (Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% tới $< 60\%$ các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc $\geq 60\%$ các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Biên bản kết thúc lúc: ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi:

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG BAN
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BQLATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-BQLATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên loại thực phẩm sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

(Đối với các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi⁽²⁾ và nhóm sản phẩm⁽³⁾
trong danh mục kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG BAN
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BQLATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày.....tháng.....năm 20...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-BQLATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể danh sách các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b.

(3): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

Cơ sở:

Loại hình sản xuất, kinh doanh: ⁽¹⁾

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục ⁽²⁾ kèm theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG BAN
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BQLATTP

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngàythángnăm 20 ...

Thay thế Giấy chứng nhận số:/GCNATTP-BQLATTP

Ngày tháng năm

(1): Ghi cụ thể tên thực phẩm sản xuất, nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

BM 13

Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm**TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT

...(tên đơn vị xác nhận).... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

..., ngày.....tháng năm

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/ đóng dấu)

Mẫu 02. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm (Đối với tập thể)**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số.../QĐ-BCT ngày...tháng...năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc...

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: cấp ngày: nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày... tháng.... năm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Địa danh, ngày.....tháng năm....

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/đóng dấu)

Danh sách kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm
Số:...../20.../XNTHKTATTP

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
-----------	------------------	------------	-----------	---	---	---

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng